TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30/10/2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vương Thị Dung, Bà Trương Thị Lệ Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Kim Lân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 289/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị L - sinh năm 1967.

Địa chỉ: số nhà 03 tổ 6, ấp C, xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C - sinh năm 1963.

Địa chỉ: số nhà 03 tổ 6, ấp C, xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09/5/2019, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn bà Phan Thị L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn C tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã S cấp giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 18/12/2089. Ngay từ những ngày đầu chung sống, cuộc sống vợ chồng đã không hạnh phúc nhưng cũng tạm chấp nhận được, nguyên nhân là do ông C chỉ nghe lời mẹ

ruột về kinh tế và sinh hoạt gia đình mà không tin tưởng bà; mỗi khi ông C uống rượu vào thì về gây sự, chửi bà. Từ năm 2014, bà bị bệnh phải cắt bỏ tử cung, không còn khả năng tình dục thì ông C không những không cảm thông mà còn nghi ngờ bà không chung thủy, thường dùng lời lẽ thô tục để xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà. Bà có góp ý xây dựng thì ông C không sửa đổi mà vẫn thường xúc phạm bà khiến bà nhục nhã với hai bên gia đình và lối xóm; cuộc sống gia đình hết sức ngột ngạt, bế tắc, không lối thoát và càng lúc bà càng thấy ghê sợ ông C. Nay, bà không còn tình cảm nên bà yêu cầu Tòa án cho ly hôn mối quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Văn C.

Bà và ông C có 04 con chung: Nguyễn Thị V – sinh ngày 14/01/1991, Nguyễn Đức T – sinh ngày 14/12/1992, Nguyễn Ngọc S – sinh ngày 07/4/1995, Nguyễn Trung N – sinh ngày 11/8/1997. Các con đều đã thành niên, có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: bà và ông C tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo Bản tường trình ngày 25/6/2019, biên bản ghi lời khai ngày 09/7/2019, bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông đồng ý với trình bày của bà Phan Thị L về quá trình kết hôn cũng như thông tin về con chung. Theo ông, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bà L sống không đứng đắn, ngủ qua đêm với người khác bị chụp hình lõa thể; không những vậy, bà L còn tự ý bán đất của gia đình mà không thông qua ông nên trong những lúc nóng giận ông có cư xử không phải với bà L. Tuy nhiên, ông còn rất yêu thương bà L nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu bà L.

Các con đều đã thành niên, có khả năng lao động nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng ông tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án và giao các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Tình trạng hôn nhân giữa bà L, ông C đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

Các con chung của bà L, ông C đều đã thành niên, có khả năng lao động nên không giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Nguyễn Văn C cư trú tại ấp C, xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân huyện Đ có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ kiện.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Phan Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn, không tranh chấp nuôi con chung, không tranh chấp tài sản chung nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự:

Ông Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị L, ông Nguyễn Văn C tự nguyện kết hôn; hôn nhân không vi phạm điều cấm của pháp luật nên được công nhận hợp pháp.

Qua kết quả xác minh và lời khai của các đương sự đều thể hiện: cuộc sống vợ chồng giữa bà L, ông C đã xảy ra những bất đồng, mâu thuẫn và hai người không còn quan tâm, chăm sóc nhau, không thực hiện quyền nghĩa vụ chung của vợ chồng mà bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống.

Tòa án đã nhiều lần mời ông C đến để hòa giải, hàn gắn tình cảm cho hai người nhưng ông C không đến, điều đó cho thấy ông C không còn mong muốn hàn gắn, đoàn tụ.

Vì lẽ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L, ông C đã trầm trọng; mục đích hôn nhân không đạt được. Bà L xin ly hôn với ông C là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung: Bà L, ông C có 04 con chung là Nguyễn Thị V – sinh ngày 14/01/1991, Nguyễn Đức T – sinh ngày 14/12/1992, Nguyễn Ngọc S – sinh ngày 07/4/1995, Nguyễn Trung N – sinh ngày 11/8/1997.

Các con chung của ông, bà đều đã thành niên, có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị L và ông Nguyễn Văn C được ly hôn.

2. Về con chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phan Thị L phải chịu 300.000 đồng. Bà L đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0002324 ngày 17/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thu án phí.

Bà Phan Thị L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án; ông Nguyễn Văn C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định luật của tố tụng dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã S;
- Lưu.

Lê Xuân Hòa